

APEC-NHỮNG ĐIỀU NÊN BIẾT QUA SỐ LIỆU THỐNG KÊ

Nguyễn Quán

“Hướng tới một cộng đồng năng động vì sự phát triển bền vững và thịnh vượng” đây là chủ đề của Hội nghị cấp cao APEC lần thứ 14 sẽ tổ chức tại Hà Nội vào tháng 11 năm 2006 - sáng kiến đề xuất của Việt Nam tại kỳ họp thứ 13 ở Bu-san (Hàn Quốc) năm 2004 đã được tất cả các nhà lãnh đạo các nền kinh tế thành viên APEC tán thành. Vậy, nền kinh tế APEC có nhiều điều cần biết qua số liệu thống kê.

Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được thành lập vào tháng 11 năm 1989 theo sáng kiến của Ô-xtrây-li-a với 11 nước thành viên khác (Niu Di-lân, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc, Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Brunây, In-đô-nê-xi-a, Ca-na-đa, Mỹ); năm 1991 APEC kết nạp thêm Trung Quốc, Hồng Công, Đài Loan; năm 1993 thêm Mê-hi-cô, Papua Niu Ghi-nê; năm 1994 thêm Chi-lê; năm 1998 thêm Việt Nam, LB Nga và Pê-ru.

Kinh tế APEC có vị trí rất quan trọng trên thế giới. Mặc dù chỉ bao gồm 21 quốc gia và vùng lãnh thổ (gọi chung là quốc gia). APEC không chỉ lớn về diện tích (62622,5 nghìn km², chiếm 46,69% diện tích thế giới), đông dân (dân số 2646,4 triệu người, chiếm 41,17%); mà còn có vị trí rất quan trọng về kinh tế toàn cầu: GDP theo giá thực tế trên 23 nghìn tỷ USD, chiếm 56,3%, xuất khẩu 4039 tỷ USD, chiếm 44,6%, khu vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài rất lớn, tính đến cuối năm 2004, các nước trong APEC đã thực hiện vốn FDI lên tới 3642,7 tỷ USD, chiếm

gần 51% của toàn thế giới, dự trữ quốc tế (không kể vàng) trên 2624 tỷ USD, chiếm 73,7% thế giới; vấn đề an ninh năng lượng quả là vấn đề khá nan giải của APEC nói chung, khi sản lượng dầu thô của toàn APEC chỉ có 26169 nghìn thùng/ngày (37,8% của toàn thế giới), nhưng sử dụng tới 46559 nghìn thùng/ngày (58,3% thế giới); Sản lượng than đá năm 2003 của APEC: 3637,1 triệu tấn, bằng 67,3% thế giới; Sản lượng điện năm 2003: hơn 9653,1 tỷ kwh, bằng 61% thế giới; Sản lượng phân hoá học năm 2003: gần 84,3 triệu tấn, bằng 56,6% thế giới; Sản lượng lương thực có hạt năm 2004 của APEC đạt trên 1183,3 triệu tấn, chiếm 52,2% toàn thế giới.

Vai trò của kinh tế APEC sẽ tiếp tục tăng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của APEC cao trong nhiều năm nay (nhịp độ tăng trưởng kinh tế của toàn thế giới năm 2004 so với 2003: 4,1%, của OECD: 3,3%, trong khi 15/21 quốc gia APEC có mức tăng trưởng trên 4,4%, trong đó có Mỹ, Trung Quốc,... riêng Trung Quốc, nhiều năm nay có mức tăng trưởng tới hai con số, Nga, Việt Nam, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a có mức tăng trưởng trên 7%.

Điều chung nhất có lẽ đúng với tên của APEC là tất cả các quốc gia đều có bờ biển tiếp giáp với Thái Bình Dương; các nước tham gia đều nhằm mục đích mở rộng hợp tác các nền kinh tế trong APEC ở cả cấp độ đa phương và song phương;...

Nhưng điều đáng quan tâm là sự đa dạng của 21 quốc gia, trong APEC đã tạo nên một bức tranh APEC với nhiều mảng màu khác biệt. Điều này cũng tạo nên những lĩnh vực hợp tác phong phú, hình thức hợp tác đa dạng và khả năng hợp tác lớn, mỗi quốc gia đều có lợi, nếu biết khai thác các lợi thế của mình, nhưng chính sự đa dạng này, đòi hỏi mỗi quốc gia phải biết đầy đủ về các đối tác để có phương thức “đối nhân xử thế” thích hợp.

Trong APEC, hầu hết là các quốc gia độc lập, nhưng lại có một vùng lãnh thổ đó là Đặc khu hành chính Hồng Kông thuộc Trung Quốc, hay nhiều nước trong APEC không có quan hệ ngoại giao với Đài Loan mà chỉ có quan hệ thương mại,...

Thể chế nhà nước rất khác biệt: Có tới 6 quốc gia có thể chế nhà nước là quân chủ (Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, Niu Di-lân,...), có 5 quốc gia có thể chế nhà nước là cộng hoà liên bang (Mỹ, Nga, Ca-na-đa, Ô-x-trây-li-a,...), có 5 quốc gia có thể chế nhà nước là cộng hoà (Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Chi Lê,...), có Việt Nam là Nhà nước XHCN, Hàn Quốc là đại nghị,...

Chế độ của các quốc gia cũng khác nhau, cho dù cùng thể chế nhà nước: có 10 quốc gia có chế độ đại nghị, nghị viện, nhưng có hai viện (Mỹ, Nhật Bản, Ô-x-trây-li-a, Ca-na-đa, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Nga,...), trong khi đó Pê-ru chỉ có 1 viện; hay Trung Quốc, Việt Nam lại có chế độ dân chủ nhân dân đang xây dựng CNXH;...

Trong khi đa số các quốc gia vừa có nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch, Tổng thống,

Quốc vương) vừa có người đứng đầu chính phủ (thủ tướng), thì 6 nước như: Mỹ, Mê-hi-cô, Chi-lê, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin người đứng đầu nhà nước và chính phủ là một (Tổng thống, hay Quốc vương). Trong khi hầu hết quốc gia người đứng đầu nhà nước và chính phủ thông qua bầu cử (trực tiếp hoặc gián tiếp), thì có nước nguyên thủ quốc gia lại do “cha truyền con nối” như (vua, quốc vương) ở: Nhật Bản, Bru-nây, Thái Lan. Lại có quốc gia, nguyên thủ quốc gia lại là người nước khác, như: Ô-x-trây-li-a, Niu Di-lân, Pa-pua Niu Ghi-nê là Nữ hoàng Anh, thông qua đại diện của Nữ hoàng là toàn quyền hoặc thống đốc.

Từ cuối thế kỷ XX, vấn đề tôn giáo đã trở thành vấn đề nhạy cảm với từng quốc gia, khu vực, thậm chí toàn cầu. Trong các quốc gia APEC, có nhiều tôn giáo chiếm vị trí quan trọng trong quốc gia đó, đã chi phối một phần tới chính sách đối nội, đối ngoại, phong tục, tập quán của các quốc gia này. Đó là các nước có tôn giáo thu hút số tín đồ chiếm quá nửa dân số, như: Thái Lan (số tín đồ theo Đạo Phật chiếm 95% dân số), Đài Loan (Đạo Khổng, Phật, Lão: 93%), Bru-nây (đạo Hồi dòng Sunni: 67%), In-đô-nê-xi-a (Đạo Hồi dòng Sunni: 87%), Ma-lai-xi-a (Đạo Hồi dòng Sunni: 53%), Phi-lip-pin (Thiên chúa giáo: 83%), Nga (Thiên chúa giáo chính thống), Mê-hi-cô (Thiên chúa giáo: 89%), Chi-lê (Thiên chúa giáo: 85%), Pê-ru (Thiên chúa giáo: 90%), Mỹ (Đạo Tin Lành: 56%),...

Các quốc gia trong APEC có rất nhiều sự khác biệt về kinh tế. (xem biểu dưới)

BIỂU 1: MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA CÁC NƯỚC APEC

	Diện tích (nghìn km ²)	Dân số 2005 (triệu người)	GDP 2004 (tỷ USD)	GDP BQĐN 2004 (USD)	Trị giá XK hàng hoá 2004 (triệu USD)	Trị giá XK BQĐN 2004 (USD)
Toàn thế giới	134135,1	6477,0	40887,8	6393	9045,3	1414,2
APEC	62622,5	2646,4	23008,0	8739	4038,5	1533,9
Mỹ	9629,1	296,5	11667,5	39739	818,5	2787,8
Canada	9970,6	32,2	979,8	30714	304,5	9545,5
Chi lê	756,6	16,1	94,1	5882	32,0	2000,0
Pê ru	1285,2	27,9	68,4	2487	12,62	458,9
Mê hi cô	1958,2	107,0	676,5	6370	189,1	1780,6
Trung Quốc	9472,9	1303,7	1649,3	1269	593,4	456,4
Hồng Công (TQ)	1,070	6,9	163,0	23971	259,3	38132,4
Đài Loan	36,18	22,7	305,4	13512	173,9	7694,7
Nhật Bản	377,8	127,7	4623,4	36234	565,7	4433,4
Hàn Quốc	99,26	48,3	679,7	14101	253,8	5625,6
Brunây	5,771	0,4	5,2	13879	5,06	12650,0
Indônêxia	1904,6	221,9	258,3	1193	71,6	327,4
Malaixia	329,7	26,1	118,3	4625	126,5	4941,0
Philippin	300,0	84,8	86,1	1042	39,7	474,3
Xingapo	0,619	4,3	106,9	25207	179,0	42619,0
Thái Lan	513,1	65,0	163,5	2537	97,4	1526,6
Việt Nam	329,3	83,1	45,4	553	26,5	323,2
LB Nga	17075,4	143,0	582,4	4042	183,5	1273,4
Ôxtrâylia	7741,2	20,4	631,3	31406	86,4	4298,5
Niu Dilân	270,5	4,1	99,7	24314	20,37	4968,3
Papua Niu Ghinê	462,8	5,9	3,9	686	2,56	449,1

Về diện tích và dân số, có nhiều quốc gia khổng lồ nhưng có nhiều quốc gia lại quá nhỏ bé: Nga với diện tích trên 17 triệu km², Ca-na-đa gần mười triệu km² không chỉ lớn nhất APEC mà còn giữ hai vị trí đầu của thế giới, trong khi Hồng Công chỉ có diện tích hơn một nghìn km², Xin-ga-po chỉ có 619 km², Việt Nam đứng thứ 13 trong APEC, và 65 trên thế giới; trong khi Trung Quốc có số dân trên 1,3 tỷ người, Mỹ gần ba trăm triệu người

(đứng thứ nhất và thứ ba thế giới), thì Bru-nây chỉ có bốn trăm nghìn người, Việt Nam đứng thứ 9 trong APEC, và 13 trên thế giới. Chính sự khác biệt về diện tích và dân số, nên APEC có những quốc gia thưa dân nhất, nhưng cũng có quốc gia dân quá đông. Mật độ dân số trên toàn thế giới 48 người/km², riêng APEC 42 người/km²; trong khi Xin-ga-po, mật độ dân số lên tới 6947 người/km² (đứng thứ hai trên toàn thế giới), thì Nga chỉ

tiêu này là 8 người/km² (đứng thứ 182), còn Việt Nam 252 người/km² đứng thứ 35.

Theo phân loại của Liên Hợp Quốc cho các quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, các nước thuộc APEC được xếp vào các nhóm quốc gia sau: Về thu nhập: có hai quốc gia có thu nhập trung bình thấp là Việt Nam và Papua Niu Ghi-nê; có 5 quốc gia có thu nhập trung bình: Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Thái Lan, Pê-ru; có 4 quốc gia có thu nhập trung bình cao: Nga, Chi-lê, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô; 10 quốc gia còn lại thuộc nhóm quốc gia có thu nhập cao. Nếu xếp theo trình độ phát triển, không có quốc gia nào trong APEC nằm trong nhóm quốc gia kém phát triển; 6 quốc gia trong nhóm quốc gia phát triển, như: Mỹ, Ca-na-đa, Nhật Bản, Nga, Ôx-trây-li-a, Niu Di-lân; Các quốc gia còn lại thuộc nhóm quốc gia đang phát triển, như: Việt Nam, Trung Quốc, Xin-ga-po, Hàn Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Mê-hi-cô, Pê-ru, Chi-lê, Pa-pua Niu Ghi-nê,... Nếu xếp theo mức độ công nghiệp hoá chỉ có 5 quốc gia: Mỹ, Ca-na-đa, Ôx-trây-li-a, Niu Di-lân, Nhật Bản được có tên trong danh sách 34 quốc gia công nghiệp hoá.

Một phần phản ánh sự phân loại trên được lượng hoá thông qua các chỉ tiêu sau:

- Nếu loại trừ ảnh hưởng của giá cả bằng cách tính GDP theo sức mua tương đương (PPP), thì trong các nước APEC có 6 nước có GDP BQĐN theo PPP trên 25000 USD là: Mỹ (39710 USD), Hồng Công (31510 USD), Ca-na-đa (30660 USD), Nhật Bản (30040 USD), Ôx-trây-li-a (29200 USD), Xin-ga-po (26590 USD), trong khi đó Việt Nam 2700 USD và Pa-pua Niu Ghi-nê 2300 USD là 2 nước thấp nhất trong APEC nhưng đã vượt qua mức GDP BQĐN trung bình của các quốc gia có thu nhập thấp

trên toàn thế giới (2260 USD), nhưng vẫn ở cận dưới của chỉ tiêu này của các quốc gia có thu nhập trung bình trên thế giới (mức BQ của nhóm này là 6480 USD). Có điều muốn nói ở đây là khoảng cách của Việt Nam so với các quốc gia đã thu hẹp hơn, do tăng trưởng kinh tế nước ta khá cao liên tục trong nhiều năm nay, dân số phát triển với mức độ vừa phải và tuy giá cả của Việt Nam có tăng liên tục nhiều năm nay, nhưng giá cả nhiều nước cũng tăng mà còn tăng nhanh hơn nước ta, chính vì thế GDP BQĐN của Việt Nam năm 2000 mới bằng 34,8% của nhóm các nước có thu nhập trung bình, thì năm 2004 đã là 41,6%.

- Trong 21 quốc gia thuộc APEC, có tới 9 quốc gia có trị giá xuất khẩu (XK) hàng hoá trên 100 tỷ USD (đứng đầu là Mỹ 815,5 tỷ USD, Trung Quốc 593,4 tỷ USD, Nhật Bản 565,7 tỷ USD, Ca-na-đa 304,5 tỷ USD,...), nhưng có 6 quốc gia trị giá XK dưới 40 tỷ USD (trong đó có Việt Nam, năm 2005 32,4 tỷ USD); Trị giá XK BQĐN, của toàn thế giới là 1414 USD, riêng APEC là 1534 USD, thì trong các quốc gia thuộc APEC có những cách biệt lớn, như: của Xin-ga-po 42619 USD, Hồng Công 38132 USD, Bru-nây 12600 USD, thì có tới 5 quốc gia trong APEC có mức XK dưới 500 USD, như: Trung Quốc, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Pê-ru, Việt Nam (năm 2005 đạt 390 USD), nếu theo số liệu năm 2004, Việt Nam lại “đội sổ” về chỉ tiêu này và chỉ bằng 7,5% của Xin-ga-po. Sự kém thua của 5 quốc gia này, nhất là Việt Nam là trong trị giá XK chủ yếu là sản phẩm thô, sơ chế là chủ yếu, hoặc là hàng gia công. Nhập khẩu của các quốc gia trong APEC cũng rất lớn, năm 2004 NK hàng hoá lên tới 4474,3 tỷ USD, chiếm 47,6% toàn thế giới, năm 2004, toàn APEC nhập siêu gần

400 tỷ USD, chủ yếu do Mỹ nhập siêu tới 710 tỷ USD, ngoài ra còn 6 quốc gia khác nhập siêu (trong đó có Việt Nam).

- Năng lượng cũng là vấn đề quan tâm của APEC nói chung, của mỗi quốc gia nói riêng. Năm 2003, mỗi ngày APEC sản xuất tới 26,2 triệu thùng dầu thô, chiếm 37,8% toàn thế giới, trừ Xin-ga-po, Hồng Kông, 19 quốc gia còn lại đều có khai thác ít nhiều dầu thô: Sản lượng khai thác nhiều nhất là Nga trên 8,1 triệu thùng - đứng thứ hai thế giới chỉ đứng sau A-rập Xê-út, từ tháng 8/2006, Nga đã trở thành quốc gia khai thác nhiều dầu nhất thế giới với sản lượng trên 9,3 triệu thùng/ngày. Tuy nhiên, APEC lại dùng dầu nhiều nhất thế giới, năm 2003 trung bình mỗi ngày sử dụng tới gần 46,6

triệu thùng dầu, chiếm 58,5% toàn thế giới, sử dụng nhiều nhất là Mỹ trên 20 triệu thùng / ngày bằng 25,3% toàn thế giới, Nhật Bản và Trung Quốc sử dụng trên 5,5 triệu thùng/ngày,... Chính vì thế APEC phải “nhập siêu” dầu thô, mặc dù trong APEC cũng có những nước XK khối lượng lớn dầu, như: Nga, Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Bru-nây,... Trong khi nhiều quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào nhập khẩu, thì một số quốc gia khác xuất khẩu dầu trở thành một nguồn thu quan trọng của ngân sách, có vị thế nhất định trên thị trường nhiên liệu thế giới luôn biến động khôn lường. Dưới đây là mức sản xuất và tiêu dùng dầu thô bình quân một ngày trong năm 2003:

BIỂU 2: SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ DẦU CỦA CÁC NƯỚC TRONG APEC

Đơn vị: nghìn thùng/ngày

Quốc gia	Sản xuất	Tiêu dùng	Quốc gia	Sản xuất	Tiêu dùng
Mỹ	5681	20034	Nhật Bản	5	5578
Ca-na-đa	2306	2193	Ôx-trây-li-a	512	876
Niu Di-lân	24	152	Hàn Quốc	0,0	2168
Thái Lan	159	810	Phi-lip-pin	13,8	335
Xin-ga-po	-	705	Bru-nây	169,9	12
In-đô-nê-xi-a	1151	1155	Ma-lai-xi-a	738	510
Trung Quốc	3409	5550	Hồng Kông	-	260
Đài Loan	0,9	915	Mê-hi-cô	3371	2015
Papua Niu Ghi-nê	50,5	15	Chi Lê	6	228
Pê-ru	87,4	157	Liên bang Nga	8131	2675
Việt Nam	352,5	216			

Loại nhiên liệu thứ hai là than đá, năm 2003 các nước APEC khai thác 3640,7 triệu tấn bằng 67,3% sản lượng than toàn thế giới, và cũng tiêu dùng 3534 triệu tấn bằng 65% thế giới. Trung Quốc là nước sản xuất và cũng là nước tiêu dùng than nhiều nhất

toàn thế giới. Trong 21 quốc gia và vùng lãnh thổ có 11 nước sản xuất nhiều hơn tiêu dùng, có 4 quốc gia không có khai thác than,... Bảng dưới đây về sản xuất than và tiêu dùng than năm 2003 của các quốc gia trong APEC.

BIỂU 3: SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ THAN CỦA CÁC NƯỚC APEC

Đơn vị: triệu tấn

Quốc gia	Sản xuất	Tiêu dùng	Quốc gia	Sản xuất	Tiêu dùng
Mỹ	1069,5	1094,1	Nhật Bản	3536*	177,6
Ca-na-đa	68,49	144,08	Ô-x-trây-li-a	373,36	69,43
Niu Di-lân	5,710	3,375	Hàn Quốc	3,635	81,38
Thái Lan	20,71	26,38	Phi-lip-pin	2,240	9,609
Xin-ga-po	-	0,0	Bru-nây		
In-đô-nê-xi-a	132,4	33,04	Ma-lai-xi-a	0,353	6,161
Trung Quốc	1635,0	1531,1	Hồng Công	-	11,77
Đài Loan	0,0	60,87	Mê-hi-cô	11,87	20,41
Papua Niu Ghi-nê	-	0,0	Chi Lê	0,487	4,39
Pê-ru	0,0	1,350	LB Nga	294,0	250,7
Việt Nam	19,31	10,39			

Ghi chú * 2001

Sự khác biệt giữa các quốc gia về sản lượng điện, than, sắt, thép, ô tô, phân hoá học, máy tính, máy thu hình,... càng rõ hơn nếu tính BQĐN các sản phẩm công nghiệp này. Cũng như những khác biệt rất rõ, hay nói khác đi là có khoảng cách rất xa về trình độ công nghệ, về các ngành công nghiệp luyện kim, hoá chất, cơ khí, điện tử, và lĩnh vực chinh phục vũ trụ... giữa các nước.

- Vấn đề an ninh lương thực không phải là vấn đề lớn của APEC nói chung. Sản lượng lương thực có hạt của APEC năm 2004: trên 1183,3 triệu tấn, bằng 52,17% thế giới, BQĐN gần 450 kg (toàn thế giới là 356 kg). Sản lượng lương thực có hạt của Trung Quốc 442,6 triệu tấn (gần 19% toàn thế giới), tiếp theo là Mỹ trên 387,4 triệu tấn (17% toàn thế giới). Nếu lấy 450 kg lương thực BQĐN, làm “ngưỡng” an toàn lương thực, thì có tới 5 quốc gia vượt mốc này, đứng đầu là Ca-na-đa (1572 kg), tiếp theo là Mỹ (1319 kg), Nga, Việt Nam (482 kg), Thái Lan; Trung Quốc, nước tiêu dùng lương thực

nhiều nhất thế giới, cũng đạt 325 kg. Chính vì thế nhìn chung cho toàn bộ APEC, xuất siêu lương thực, tuy nhiên cũng có những quốc gia phải nhập hoàn toàn lương thực, hoặc một phần lương thực, như: Xin-ga-po, Hồng Công, Bru-nây, Pê-ru, Nhật Bản,...

- APEC cũng là nhóm nước thu hút nhiều FDI nhất thế giới (trên 51% vốn FDI thực hiện của toàn thế giới). Tính đến cuối năm 2004, vốn FDI thực hiện trên đất Mỹ đạt tới con số 1473,9 tỷ USD (bằng 16,6% toàn thế giới, tiếp theo là Hồng Công (trên 456,8 tỷ USD), Ca-na-đa (303,8 tỷ USD), Ô-xtrây-li-a (253,6 tỷ USD), Trung Quốc (245,5 tỷ USD), Xin-ga-po (160,4 tỷ USD), Nhật bản (97 tỷ USD),...Việt Nam (trên 30 tỷ USD); nhưng cũng nhiều quốc gia trong APEC đầu tư ra nước ngoài với khối lượng lớn: Mỹ, Nhật Bản, Ca-na-đa, Hồng Công, Xin-ga-po,...

- Trong khi nhiều quốc gia không nợ nước ngoài, như Mỹ, Nhật Bản, Ca-na-đa, Niu Di-lân, Bru-nây, Xin-ga-po, Hồng Công,

Đài Loan, thì 13 nước còn lại đều là “con nợ” với tổng số nợ nước ngoài đến cuối 2004 lên tới 1046,3 tỷ USD, nhiều nhất là Trung Quốc (193,6 tỷ USD), Hàn Quốc (188,1 tỷ USD - số liệu 2003), Mê-hi-cô (140 tỷ USD), Phi-lip-pin (66,4 tỷ USD), Việt Nam (16,6 tỷ USD - số liệu đến cuối 2003),... Với tiềm lực kinh tế của Trung Quốc, Hàn Quốc số nợ của các nước đó không phải là lớn, nhưng với các nước khác, như: Chi-lê, Pê-ru, Pa-pua-Nui-Ghi-nê, Phi-lip-pin,... việc trả nợ cũng là những vấn đề nan giải của các nước này. Nước Nga cũng là con nợ lớn, tính đến cuối năm 2003, nợ gần 134,4 tỷ USD, nhưng theo tuyên bố mới đây (tháng 8/2006), nước Nga sẽ trả hết nợ ngay trong năm 2006(!).

- APEC có 5 quốc gia cấp ODA (Mỹ, Nhật Bản, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a, Niu-Di Lân) riêng năm 2003 đã cấp 28,5 tỷ USD (chiếm 46,4% tổng vốn ODA do 22 quốc gia trên toàn thế giới), nhiều nhất là Mỹ (16,2 tỷ USD, chiếm 0,15% GNI của Mỹ, BQ một người dân Mỹ góp 58 USD), Nhật Bản (8,8 tỷ USD, bằng 0,20% GNI và BQ một người dân Nhật Bản góp 83 USD),... Tất cả các nước còn lại đều nhận ODA, với tổng số ODA nhận năm 2003 lên tới 9,6 tỷ USD (bằng 13,3% ODA của các nước đã nhận trong năm 2003) nhận ít nhất là Bru-nây (500 nghìn USD, BQ một người dân Bru-nây nhận 1,3 USD), Hồng Kông (5 triệu USD, BQ 0,7 USD), nhiều nhất là Việt Nam (1,7 tỷ USD, BQ 21,8 USD), tiếp theo là In-đô-nê-xi-a (1,7 tỷ USD, BQ 8,1 USD), Trung Quốc (1,3 tỷ USD, BQ 1 USD),...

- Dù APEC nơi hội tụ 21 quốc gia giàu - nghèo khác nhau, nhưng sự bất bình đẳng trong thu nhập vẫn là nỗi “trầm kha” của tất

cả các nước, nhất là các nước đang phát triển. Chênh lệch về thu nhập giữa 20% giàu nhất so với 20% nghèo nhất sẽ thấy điều đó: Mỹ (năm 2000: 8,4 lần), Ca-na-đa (năm 1998: 5,8 lần), Chi-lê (năm 2000: 18,7 lần), Pê-ru (năm 1999: 18,4 lần), Mê-hi-cô (2000: 19,3 lần), Trung Quốc (2001: 10,7 lần), Hàn Quốc (1998: 4,7 lần), Phi-li-pin (2000: 9,7 lần), Xin-ga-po (1998: 9,7 lần), Việt Nam (2003-2004: 8,43 lần), Nga (năm 2000: 10,5 lần), Ô-xtrây-li-a (năm 1994: 12,5 lần),... Tất nhiên, mức giàu và mức nghèo của các quốc gia rất khác nhau, nếu như nhiều nước trong APEC đang trong cuộc chiến chống đói, nghèo rất cam go (tỷ lệ người có thu nhập dưới 1 USD một ngày vẫn ở mức hai con số); thì một số ít nước không có cuộc chiến này, như Mỹ, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Bru-nây,... Việt Nam trong cuộc chiến xoá đói giảm nghèo đã có nhiều thành tựu được thế giới đánh giá cao, ngay trên diễn đàn Liên Hợp Quốc, Tổng thư ký LHQ cũng đã tuyên bố Việt Nam là một điểm sáng trong cuộc chiến này.

- Sự khác biệt giữa các quốc gia trong APEC, thông qua Chỉ số phát triển con người (HDI) - thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển con người trên phương diện thu nhập, tri thức và sức khoẻ; Chỉ số Phát triển giới (GDI) - thước đo phản ánh sự bất bình đẳng giữa nam và nữ về các yếu tố thu nhập, tri thức và sức khoẻ; Chỉ số bình đẳng về giới (GEM) - thước đo phản ánh sự bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực chính trị, lãnh đạo, quản lý, kỹ thuật và thu nhập. Theo Báo cáo Phát triển con người của UNDP năm 2005, xếp hạng các nước năm 2003 như sau:

BIỂU 4: MỘT SỐ CHỈ SỐ TỔNG HỢP VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NƯỚC APEC

Quốc gia	HDI	GDI	GEM	Quốc gia	HDI	GDI	GEM
Mỹ	10	8	12	In-đô-nê-xi-a	110	87	-
Ca-na-đa	5	5	10	Ma-lai-xi-a	61	50	51
Chi-lê	37	38	61	Phi-li-pin	84	63	46
Pê-ru	79	67	48	Xin-ga-po	25	28	22
Mê-hi-cô	53	46	38	Thái Lan	73	57	63
Trung Quốc	85	64	-	Việt Nam	108	83	...
Hồng Công (TQ)	22	22	-	Nga	62	49	60
Nhật Bản	11	14	43	Ô-xtrây-li-a	3	2	7
Hàn Quốc	28	27	59	Niu Di-lân	19	17	74
Bru-nây	33	-	-	Pa-pua Niu Ghi-nê	137	103	-

Qua chỉ tiêu HDI, năm 2003, nước ta có chỉ số 0,704 (chung toàn thế giới là 0,741; riêng của nhóm nước có thu nhập thấp: 0,593), xếp thứ 108 trên 177 quốc gia xếp hạng, đây là một tiến bộ vượt bậc, vì năm 1995, nước ta còn xếp thứ 122 (chỉ số 0,560) và còn thể hiện lĩnh vực tri thức, sức khỏe của nước ta phát triển nhanh hơn thu nhập (nếu xếp hạng riêng về thu nhập qua chỉ tiêu GDP BQĐN, năm 2004 nước ta xếp thứ 137 trên 164 quốc gia.

- Và cuối cùng, một chỉ tiêu rất quan trọng trong nhóm các chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển công nghệ thông tin, đánh giá một phần nhất định của nền kinh tế tri thức của các nước và vùng lãnh thổ, đó là việc sử dụng máy tính. Chỉ tiêu số lượng máy tính bình quân trên 1000 dân năm 2002 cho thấy sự khác biệt rất lớn giữa các nước và vùng lãnh thổ: Xin-ga-po (622), Hàn Quốc (556 máy), Ca-na-đa (487), Nhật Bản (382), Ma-

lai-xi-a (147), Chi Lê (119), LB Nga (89), Mê-hi-cô (82), Pê-ru (43), Thái Lan (40),..., Lào (3), Cam-pu-chia (2).

Việt Nam và APEC:

Việt Nam có vị trí khá “khiêm tốn” trong APEC nếu xét về các khía cạnh kinh tế, nhưng vị thế này chắc chắn thay đổi do nước ta có một môi trường chính trị-xã hội luôn ổn định, nền kinh tế tăng trưởng vào loại nhanh nhất trong khu vực, nên các nước trên thế giới nói chung, trong APEC nói riêng coi trọng và mở rộng quan hệ hợp tác, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư.

Nước ta đã có quan hệ thương mại với tất cả các nước trong APEC, có quan hệ ngoại giao với 19 nước (trừ Hồng Công, Đài Loan).

Năm 2005, XK của các nước APEC vào Việt Nam lên tới trên 26,2 tỷ USD (chiếm 65,9% toàn bộ NK của Việt Nam), nước XK nhiều nhất vào Việt Nam là Xin-ga-po

(4597,6 triệu USD), Đài Loan (4329 triệu USD), Trung Quốc (4093 triệu USD), Hàn Quốc (3600,5 triệu USD),... Và các nước APEC cũng đã nhập hàng hoá từ Việt Nam trên 23,4 tỷ USD (chiếm 72,3% toàn bộ XK của Việt Nam), khách hàng lớn nhất của Việt Nam là Mỹ (5930,6 triệu USD), Nhật Bản (4411,2 triệu USD), Trung Quốc (2961 triệu USD), Ô-xtrây-li-a (2570,2 triệu USD),...

Hiệu quả, năng động và liên kết giữa các nền kinh tế trong APEC chắc chắn sẽ được đẩy mạnh hơn trong các năm tiếp theo. Để có thể làm được điều đó phải có đầy đủ các thông tin về các đối tác khác nhau trong APEC. Một vài điều trình bày trên, chủ yếu

thông qua các số liệu thống kê, góp phần rất nhỏ làm điều đó.

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Thống kê, Số liệu kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, Nhà XB Thống kê, Hà Nội, 2006.
2. TS. Nguyễn Quán, 217 quốc gia và lãnh thổ trên thế giới, Nhà XB Thống kê, Hà Nội, 2003.
3. Thế giới: 202 quốc gia và vùng lãnh thổ, Nhà XB Thông tấn, Hà Nội, 2003.
4. Niên giám thống kê Việt Nam và các nước, của ASIAN; Thống kê tài chính (IFS) của IMF, Các chỉ tiêu chủ yếu (Key Indicators) của ADB, Báo cáo phát triển con người (Human Development Report) của UNDP,...